

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC RÈN LUYỆN KĨ NĂNG NGHỀ DẠY HỌC CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐÀO THỊ VIỆT ANH - Email: vietanhsp2@gmail.com

NGUYỄN NGỌC TÚ - Email: nnt.sp2@gmail.com

HOÀNG THỊ KIM HUYỀN - Email: hoangthihuyen.sp2@moet.edu.vn

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Tóm tắt: Đào tạo đạt chuẩn và đáp ứng yêu cầu xã hội đã và đang là nhiệm vụ trọng tâm của các trường sư phạm. Một mặt, các trường sư phạm cần đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn về kiến thức, kĩ năng ở chuyên ngành họ được đào tạo. Mặt khác, sinh viên tốt nghiệp cần được phát triển, rèn luyện các kĩ năng nghề để đáp ứng các yêu cầu thực tế ở trường phổ thông. Do đó, rèn luyện kĩ năng nghề dạy học là một phần quan trọng trong quá trình đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm. Bài viết này đóng góp một góc nhìn về phương diện trên từ góc độ phát triển năng lực nghề.

Từ khóa: Thực trạng; rèn luyện; kĩ năng nghề dạy học; sinh viên; trường đại học sư phạm.

(Nhận bài ngày 10/4/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 29/4/2017; Duyệt đăng ngày 25/5/2017).

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng đào tạo và phát triển năng lực (NL) nghề nghiệp của sinh viên (SV) trong các trường đại học sư phạm (ĐHSP) là một vấn đề lớn, bao gồm nhiều nội dung, từ hệ thống giáo trình, bài giảng đến đội ngũ giảng viên; từ công tác quản lý đến công tác tổ chức đào tạo; từ cơ sở vật chất đến công tác kiểm tra, đánh giá sinh viên; từ phương pháp dạy học (PPDH) đến công tác rèn luyện kĩ năng nghề dạy học (DH)... Mỗi phương diện đều đem đến một nhận thức, đánh giá về tình hình đào tạo NL nghề cho SV trong các trường ĐHSP, qua đó cung cấp luận cứ khoa học cho việc nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên của các trường ĐHSP ở Việt Nam. Bài viết tập trung trình bày kết quả nghiên cứu, đánh giá về thực trạng công tác rèn luyện kĩ năng nghề DH ở 06 trường đại học sư phạm (Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP Hà Nội 2, Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên, Trường ĐHSP - Đại học Huế, Trường ĐHSP - Đại học Đà Nẵng, Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh) từ góc độ phát triển năng lực nghề.

2. Kĩ năng và kĩ năng nghề dạy học

Phát triển NL nghề cho SV sư phạm là một trong những nội dung, yêu cầu quan trọng trong quá trình đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Theo Trần Bá Hoàn (2006), NL nghề của mỗi cá nhân được cấu thành từ ba bộ phận cơ bản: Tri thức về lĩnh vực hoạt động (NL biết); Kĩ năng tiến hành hoạt động (NL làm) và những điều kiện tâm lý để tổ chức và thực hiện tri thức, kĩ năng đó trong một cơ cấu thống nhất và có định hướng rõ ràng (NL biểu cảm). Trong ba yếu tố trên, kĩ năng tiến hành hoạt động vừa có vị trí như một yếu tố "đầu vào" cần được hình thành để con người đạt được NL vừa được xem là biểu hiện "đầu ra" chỉ báo, cho biết NL thực hiện của một người đang hoạt động nghề nghiệp. Nhìn chung, kĩ năng là kết

quả của sự huy động, vận dụng những kiến thức đã có và những thói quen, kinh nghiệm trong cùng một lĩnh vực hoạt động sống của cá nhân. Kĩ năng chỉ có thể hình thành bằng cách luyện tập một cách có hệ thống, khoa học, bền bỉ, kiên trì theo một quy trình ổn định.

Vận dụng những điều nói trên vào nghề dạy học, có thể khẳng định kĩ năng nghề dạy học là bộ phận để tạo nên NL nghề nghiệp của giáo viên. Để có được NL thực hiện các hành động sư phạm không chỉ trong những điều kiện quen thuộc mà còn cả trong những điều kiện thay đổi, SV cần được rèn luyện các kĩ năng nghề đặc thù. Nói cách khác, trong quá trình hình thành và phát triển phẩm chất và NL nghề cho giáo viên trong tương lai, bên cạnh việc trang bị tri thức sư phạm và bồi dưỡng các phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, việc tập trung rèn các kĩ năng nghề dạy học cho giáo sinh là một phần không thể thiếu. Cả trong lí luận và thực tiễn đào tạo, đây là một nội dung lớn, xuyên suốt quá trình học tập của SV và giảng dạy của giảng viên. Nhưng tập trung hơn cả là ở các học phần giáo dục học, tâm lí học, phương pháp dạy học bộ môn, thực hành và thực tập sư phạm. Nội dung rèn các kĩ năng nghề dạy học bao gồm nhiều khía cạnh như rèn kĩ năng tìm hiểu đối tượng dạy học, kĩ năng phân tích chương trình, kĩ năng xác định mục tiêu bài học, kĩ năng phân tích nội dung bài học, kĩ năng thiết kế bài học, kĩ năng sử dụng phương tiện dạy học, kĩ năng thiết kế nhiệm vụ học tập, kĩ năng tổ chức hoạt động học tập, kĩ năng thiết kế bài kiểm tra, kĩ năng trao đổi/trò chuyện với học sinh, kĩ năng trao đổi/làm việc với phụ huynh học sinh, kĩ năng trao đổi/học hỏi giáo viên phổ thông, kĩ năng tổ chức một buổi sinh hoạt lớp, kĩ năng tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp...

Do tầm quan trọng của kĩ năng nghề đối với mỗi giáo viên nên công tác rèn luyện kĩ năng nghề dạy học đã được các trường ĐHSP chú trọng từ lâu, từ việc quan tâm tới thời lượng, quy trình, hình thức, phương pháp,



phương tiện rèn luyện cũng như cách thức đánh giá... Tuy nhiên, trong xu thế đổi mới đào tạo giáo viên theo tiếp cận NL nghề dạy học, công tác rèn luyện kỹ năng nghề cho SV sư phạm cần phải có những điều chỉnh, thay đổi để vừa hướng đến việc kiến tạo các năng lực nghề cho giáo sinh vừa chuẩn bị cho công cuộc đổi mới giáo dục phổ thông sau 2018.

3. Khảo sát thực trạng công tác rèn luyện kỹ năng nghề dạy học cho sinh viên các trường đại học sư phạm

Chúng tôi tìm hiểu thực trạng rèn luyện kỹ năng nghề DH trong các trường ĐHSP từ góc độ phát triển năng lực nghề, thể hiện qua công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (NVSP) thường xuyên cho SV.

Trong thiết kế, chúng tôi đã phát phiếu khảo sát tới 1920 SV, 336 giảng viên và 180 cán bộ quản lý (CBQL) từ 06 trường ĐHSP (Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP Hà Nội 2, Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên, Trường ĐHSP - Đại học Huế, Trường ĐHSP - Đại học Đà Nẵng, Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh). Ở mỗi trường, khảo sát 320 SV, 56 giảng viên và 30 CBQL (Ban Giám hiệu: 01; Lãnh đạo phòng Đào tạo: 01; Lãnh đạo Trung tâm NVSP hoặc viện nghiên cứu sư phạm: 01; Lãnh đạo Trung tâm Khảo thí: 01; Lãnh đạo Trường thực hành: 01 và 25 CBQL cấp khoa từ cấp trưởng/ phó bộ môn trở lên).

Khảo sát được thực hiện nhiều đợt với nhiều hoạt động, trong đó phiếu hỏi (PH) được phát tới các đối tượng tham gia khảo sát và thu về trong thời gian từ 3 đến 4 tuần. Sau khi thống kê chọn lọc, chúng tôi thu được tổng số phiếu khảo sát là 2333 phiếu (1845 SV, 321 GV và 167 CBQL). Như vậy, nghiên cứu thực hiện đạt tỉ lệ trên 92%.

Để thực hiện nghiên cứu, với 03 bộ PH, bao gồm PH SV, giảng viên và CBQL, đã được thiết kế và hoàn thiện. Mỗi bộ PH có số câu hợp lý để đảm bảo thu thập đủ thông tin cần thiết và không ảnh hưởng tới tâm lý của người trả lời. Ngoài ra, bộ công cụ phỏng vấn trực tiếp và điều tra cơ sở vật chất (CSVCT) cũng được thiết kế, phát triển để giúp nhóm nghiên cứu thu thập số liệu.

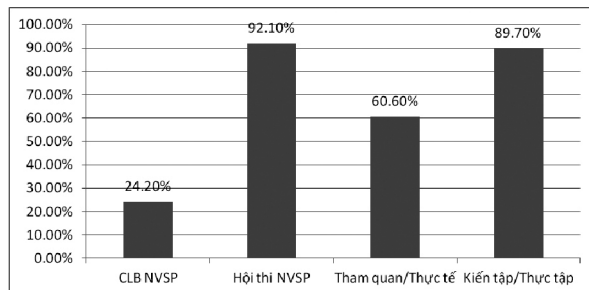
Sau khi được thu về, các bộ PH được kiểm tra và phân loại. PH trong mỗi bộ lại được sắp xếp theo trường, khoa và khóa học (đối với PH SV) trước khi được nhập vào máy tính. Dữ liệu của từng loại PH được nhập bằng phần mềm WinDEM (Windows Data Entry Manager) [1]. Phần mềm này không cho phép người nhập dữ liệu được nhập các giá trị nằm ngoài các khoảng đã được xác định. Ngoài ra, có một hàm được sử dụng để báo hiệu khi dữ liệu bị bỏ sót trong quá trình nhập. Sau khi đã nhập dữ liệu, các tập tin chứa dữ liệu của cùng một bộ PH được kết hợp thành một tập tin đơn nhất, sau đó được làm sạch và phân tích bằng phần mềm SPSS.

Phương pháp nghiên cứu mô tả đã được sử dụng để thực hiện nghiên cứu này. Theo James P. Key (1997): "Nghiên cứu mô tả được sử dụng để có được thông tin về hiện trạng của một hiện tượng hoặc để mô tả những vấn đề liên quan đến các yếu tố, các điều kiện của một tình huống. Các phương pháp thu thập số liệu rất đa dạng, từ điều tra mô tả hiện trạng, nghiên cứu mối liên

quan giữa các yếu tố, cho đến nghiên cứu các thay đổi theo thời gian" [2].

3.1. Khảo sát cán bộ quản lý về công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm

Ở góc độ quản lý, thời lượng và thời điểm tổ chức hoạt động rèn luyện NVSP và thực tập sư phạm (TTSP) có tác động trực tiếp tới công tác rèn luyện kỹ năng nghề cho SV. Ngoài ra, các hoạt động NVSP do khoa/trường tổ chức và các điều kiện CSVCT trong nhà trường cũng là các nhân tố ảnh hưởng đến công tác rèn luyện kỹ năng nghề DH của SV sư phạm. Chúng tôi tìm hiểu các yếu tố này thông qua bộ PH CBQL.

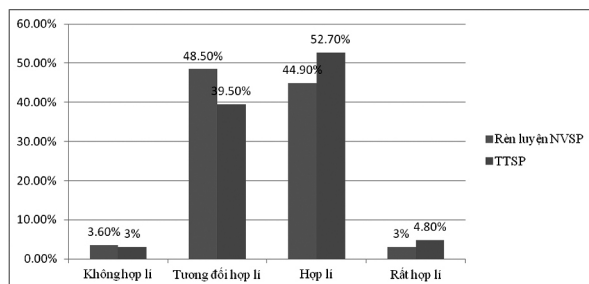


Hình 1: Các hoạt động NVSP đang được tổ chức tại các khoa/trường được khảo sát

Hình 1 thể hiện kết quả thống kê các hoạt động NVSP đang được tổ chức cho SV tại các khoa/trường được khảo sát. Nhìn chung, *Hội thi NVSP* là hoạt động phổ biến nhất, đây cũng là hoạt động khá toàn diện khi tạo điều kiện cho SV rèn luyện nhiều kỹ năng nghề như giảng dạy, xử lý tình huống sư phạm, tổ chức hoạt động ngoại khóa... *Tham quan/Thực tế* chưa được các cơ sở đào tạo giáo viên chú trọng khi có gần 40% CBQL cho rằng hoạt động này không có ở đơn vị mình. Hoạt động *câu lạc bộ NVSP* là hình thức ít được quan tâm nhất khi chỉ có 24,2% CBQL trả lời ở trường/khoa mình có câu lạc bộ NVSP.

Hình 2 thể hiện kết quả thống kê đánh giá của CBQL về mức độ hợp lý của thời lượng và thời điểm tổ chức các hoạt động *rèn luyện NVSP* và *TTSP*.

Về các hoạt động *rèn luyện NVSP*, có hơn một nửa số CBQL (52,1%) chưa hài lòng về thời điểm và thời lượng tổ chức hoạt động này. Ngược lại, ở công tác *TTSP*, có 57,5% CBQL cho rằng thời điểm và thời lượng tổ chức hoạt động này là hợp lý hoặc rất hợp lý. Như vậy, ở góc độ quản lý, hoạt động *rèn luyện NVSP* cần được cải thiện



Hình 2: Mức độ hợp lý của thời lượng và thời điểm tổ chức rèn luyện NVSP và TTSP

nhiều hơn về thời lượng và thời điểm tổ chức, trong khi TTSP đã phần nào đáp ứng được yêu cầu.

Để phục vụ công tác rèn luyện kĩ năng nghề, hệ thống CSVC của nhà trường đóng vai trò quan trọng. Ở khía cạnh này, chúng tôi khảo sát đánh giá của CBQL về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, trường thực hành và trung tâm NVSP đối với công tác rèn luyện kĩ năng nghề. CBQL đánh giá mức độ đáp ứng của hệ thống các CSVC này ở 4 mức độ: (1) Hoàn toàn không đáp ứng; (2) Đáp ứng ở mức độ thấp; (3) Đáp ứng ở mức độ cao; (4) Hoàn toàn đáp ứng.

Bảng 1 thể hiện kết quả thống kê đánh giá của CBQL về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng PPDH bộ môn và phòng thực hành/thí nghiệm đối với công tác rèn luyện kĩ năng nghề.

Bảng 1 cho thấy, hệ thống *phòng học PPDH bộ môn* và *phòng thực hành/thí nghiệm* đáp ứng công tác rèn luyện kĩ năng nghề ở mức độ khá thấp. Có 63,5% CBQL cho rằng hệ thống *phòng học PPDH bộ môn* hoàn toàn không đáp ứng hoặc đáp ứng ở mức độ thấp, con số này ở hệ thống *phòng thực hành/thí nghiệm* ở mức 57,5%. Thực tế này chỉ ra rằng, các trường sư phạm cần trang bị thêm hệ thống phòng học nói chung và phòng học bộ môn PPDH nói riêng để đáp ứng công tác rèn luyện kĩ năng nghề cho SV sư phạm.

Bảng 2 thể hiện kết quả khảo sát đánh giá của CBQL về mức độ đáp ứng của hệ thống CSVC của trường thực hành đối với công tác rèn luyện kĩ năng nghề cho SV sư phạm. Dữ liệu khảo sát cho thấy, có 22,2% CBQL trả lời trường mình không có trường thực hành. Do đó, kết quả trong Bảng 2 chỉ phân tích trên một trăm CBQL (77.8%)

Bảng 1: Mức độ đáp ứng của phòng PPDH bộ môn và phòng thực hành/thí nghiệm

Hệ thống phòng học	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Phòng học PPDH bộ môn	5.4%	58.1%	30.5%	6.0%
Phòng thực hành/thí nghiệm	1.8%	55.7%	36.5%	6.0%

Bảng 2: Mức độ đáp ứng của hệ thống CSVC của trường thực hành

CVC của trường thực hành	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Số lượng phòng học nói chung	6.9%	50%	33.8%	9.2%
Trang thiết bị trong các phòng học	4.6%	52.3%	37.7%	4.6%
Phòng học bộ môn/thực hành/thí nghiệm	10.0%	50.8%	30.8%	3.1%
Phòng học trực tuyến kết nối với trường ĐHSP	21.5%	50.0%	15.4%	3.8%

Bảng 3: Mức độ đáp ứng của hệ thống CSVC của trung tâm NVSP

CSCV của trung tâm NVSP	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Số phòng học, phòng thực hành nghề	18.6%	50.5%	21.6%	9.3%
Trang thiết bị: Internet, máy tính, máy chiếu, bảng viết, bảng thông minh	15.5%	48.5%	27.8%	8.2%
Tư liệu DH dạng kĩ thuật số (CD, băng hình, video clip)	23.7%	49.5%	20.6%	6.2%

trả lời có trường thực hành ở cơ sở đào tạo của mình.

CVC của trường thực hành chưa đáp ứng được công tác rèn luyện kĩ năng nghề ở cả số lượng, chất lượng phòng học tới phòng bộ môn, phòng học trực tuyến. Có gần 57% CBQL đánh giá số lượng *phòng học nói chung* và *trang thiết bị* trong phòng học hoàn toàn không đáp ứng hoặc đáp ứng ở mức độ thấp. Con số này ở *Phòng học bộ môn/thực hành/thí nghiệm* là cao hơn, ở mức 60,8% và ở phòng học trực tuyến còn cao hơn nữa, lên tới 71,5%. Từ kết quả trên, chúng tôi cho rằng, để đáp ứng công tác đào tạo phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV sư phạm, cùng với những giải pháp khác, các trường ĐHSP cần phải xây dựng trường thực hành và phải trang bị đầy đủ về phòng học, trang thiết bị trong các phòng học, phòng học bộ môn/thực hành/thí nghiệm và phòng học trực tuyến kết nối với trường ĐHSP.

Bảng 3 thể hiện kết quả khảo sát đánh giá của CBQL về mức độ đáp ứng của hệ thống CSVC của trung tâm NVSP đối với công tác rèn luyện kĩ năng nghề cho SV. Dữ liệu khảo sát cho thấy, có 41,9% CBQL trả lời trường mình không có trung tâm NVSP. Do đó, kết quả trong Bảng 3 chỉ phân tích trên 58.1% số CBQL trả lời có trung tâm NVSP ở cơ sở đào tạo của mình.

Bảng 3 cho thấy, trung tâm NVSP ở các trường ĐHSP chưa đáp ứng công tác đào tạo phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV. Cụ thể, có tới 69,19% ý kiến CBQL cho rằng *Số phòng học, phòng thực hành nghề* hoàn toàn không đáp ứng hoặc đáp ứng ở mức độ thấp (18,6% CBQL chọn mức 1; 50,5% CBQL chọn mức 2); 64% ý kiến CBQL cho rằng *Trang thiết bị: Internet, máy tính, máy chiếu, bảng viết, bảng thông minh* hoàn toàn không đáp ứng hoặc đáp ứng ở mức độ thấp (15,5% CBQL chọn mức 1; 48,5% CBQL chọn mức 2); 60,8% ý kiến CBQL cho rằng *Tư liệu DH dạng kĩ thuật số* hoàn toàn không đáp ứng hoặc đáp ứng ở mức độ thấp (23,7% CBQL chọn mức 1; 49,5% CBQL chọn mức 2).

3.2. Khảo sát giảng viên về công tác rèn luyện kĩ năng nghề dạy học

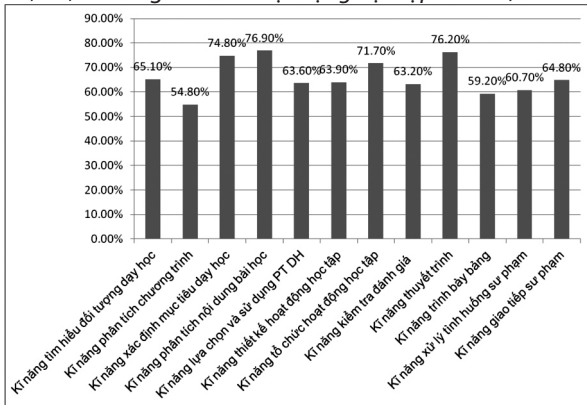
Bên cạnh các "điều kiện cần" về cơ chế, chính sách, CSVC... giảng viên đóng vai trò quyết định cho sự thành công và chất lượng của công tác rèn luyện kĩ năng nghề DH cho SV sư phạm. NL nghề của SV được hình thành và phát triển phần lớn nhờ vào những nội dung và phương thức rèn luyện kĩ năng nghề mà giảng viên đang thực hiện.

Một trong các khía cạnh của nội dung rèn luyện NVSP là các kĩ năng nghề DH. Hình 3 thể hiện kết quả phân tích về các kĩ năng nghề DH đang được giảng viên các trường ĐHSP tập trung rèn luyện cho SV.

Có thể thấy, các kĩ năng cơ bản, đặc thù của nghề DH đã và đang được giảng viên quan tâm và tập trung rèn

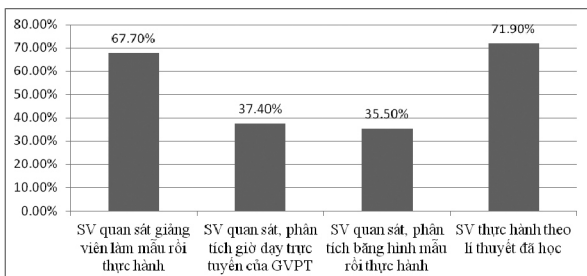


luyện cho SV. Trong đó, *kĩ năng phân tích nội dung bài học* và *kĩ năng thuyết trình* là 2 kĩ năng được tập trung rèn luyện nhiều nhất (76,9% và 72,6%). Những số liệu này phản ánh thực tế, giảng viên vẫn đang tập trung rèn luyện các kĩ năng nghề DH cho SV theo tiếp cận nội dung và lấy người dạy làm trung tâm, trong khi các kĩ năng DH theo định hướng hình thành và phát triển NL học sinh còn chưa được chú trọng nhiều (*kĩ năng tìm hiểu đối tượng DH*: 65,1%; *kĩ năng phân tích chương trình*: 54,8%; *kĩ năng thiết kế hoạt động học tập*: 63,9%).



Hình 3: Các kĩ năng nghề DH đang được tập trung rèn luyện cho SV sư phạm

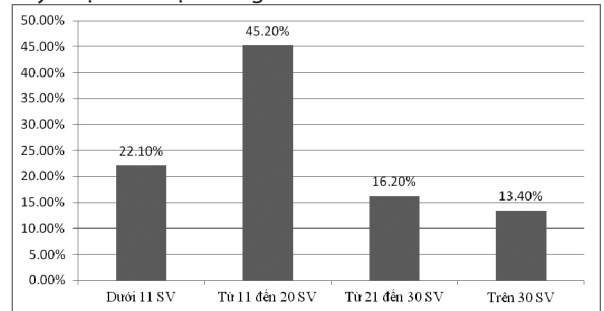
Hình 4 thể hiện kết quả phân tích về các hình thức rèn luyện kĩ năng nghề DH đang được giảng viên các trường ĐHSP áp dụng. Có thể thấy, hình thức phổ biến nhất là *SV thực hành theo lí thuyết đã học và rút kinh nghiệm* (71,9%). Trong khi đó, những hình thức rèn luyện kĩ năng nghề có tính chất trực quan, sát với thực tiễn phổ thông (PT), thể hiện rõ nét mô hình hoạt động nghề nghiệp của người giáo viên trong tương lai lại ít được áp dụng, chẳng hạn như hai hình thức *SV quan sát, phân tích giờ dạy trực tuyến của giáo viên PT* (37,4%) và *SV quan sát, phân tích băng hình mẫu rồi thực hành* (34,3%). Điều này có thể do giảng viên chưa dành nhiều sự quan tâm cho những cách thức này, hoặc do điều kiện cơ sở vật chất chưa đảm bảo, hoặc do thiếu sự phối hợp trong đào tạo nghề giữa các trường sư phạm và các trường PT. Vì vậy, để nâng cao kĩ năng nghề cho SV sư phạm, cần tăng cường sử dụng các hình thức đào tạo nghề có tính thực tiễn, đầu tư cơ sở vật chất và thúc đẩy hơn nữa sự phối hợp trong đào tạo nghề giữa trường sư phạm và



Hình 4: Các hình thức rèn luyện kĩ năng nghề cho SV sư phạm

trường PT.

Cùng với các hình thức rèn luyện kĩ năng nghề, số lượng SV trong một nhóm/lớp rèn nghề cũng phản ánh thực trạng, hiệu quả của công tác rèn luyện kĩ năng nghề cho SV sư phạm. Kết quả phân tích về khía cạnh này được thể hiện trong Hình 5.

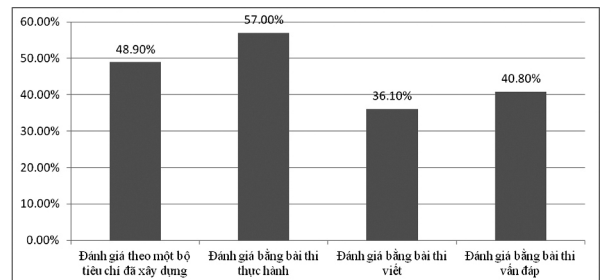


Hình 5: Số lượng SV trong một nhóm/lớp rèn nghề

Hình 5 cho thấy, số lượng SV trong một nhóm/lớp rèn nghề phổ biến nhất là từ 11 đến 20 SV/nhóm (45,2%). Số lượng SV như vậy là phù hợp, thuận lợi cho công tác rèn nghề. Tuy nhiên, 29,6 % giảng viên cho biết còn có những nhóm/lớp rèn nghề với số lượng từ 21 đến trên 30 SV. Những nhóm/lớp này khó đạt hiệu quả cao trong việc rèn luyện kĩ năng nghề. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả rèn luyện kĩ năng nghề cho SV sư phạm cần điều chỉnh số lượng SV ở các nhóm/lớp theo hướng nhỏ, gọn.

Thực trạng rèn luyện kĩ năng nghề cho SV sư phạm còn được thể hiện qua cách thức đánh giá kết quả của giảng viên. Chúng tôi khảo sát giảng viên về 4 hình thức đánh giá kết quả rèn nghề mà chúng tôi cho rằng phổ biến nhất hiện nay, đó là: (1) Đánh giá theo một bộ tiêu chí đã xây dựng; (2) Đánh giá bằng bài thi thực hành; (3) Đánh giá bằng bài thi viết; (4) Đánh giá bằng bài thi vấn đáp. Kết quả khảo sát được thể hiện trong Hình 6.

Đánh giá kết quả rèn luyện kĩ năng nghề bằng *bài thi thực hành* là hình thức được áp dụng nhiều nhất (57%) so với các hình thức còn lại. Điều này cho thấy giảng viên ở các trường đã chú ý đến hình thức đánh giá kĩ năng nghề của SV qua thực hành, thực tiễn nghề nghiệp. Tuy nhiên, những hình thức đánh giá có ít trải nghiệm thực tiễn hơn (*bài thi viết* và *bài thi vấn đáp*) vẫn chiếm tỉ lệ cao (36,1 % và 40,8%). Ở một góc độ khác, việc đánh giá kết quả rèn luyện kĩ năng nghề của SV vẫn nghiêng về các yếu tố định tính hoặc còn thiếu một bộ tiêu chuẩn, tiêu



Hình 6: Các hình thức đánh giá kết quả rèn luyện kĩ năng nghề

Bảng 4: SV đánh giá về các kĩ năng nghề DH đã được rèn luyện

Kĩ năng	Mức độ (%)			
	1	2	3	4
Kĩ năng tìm hiểu đối tượng DH	11.0	41.8	34.6	10.6
Kĩ năng phân tích chương trình	8.1	37.5	42.7	9.7
Kĩ năng xác định mục tiêu bài học	3.7	19.0	41.6	33.4
Kĩ năng phân tích nội dung bài học	4.7	17.8	42.8	32.2
Kĩ năng sử dụng phương tiện DH	4.5	19.3	42.4	31.6
Kĩ năng thiết kế nhiệm vụ học tập	8.1	24.1	43.6	21.5
Kĩ năng tổ chức hoạt động học tập	4.8	24.8	44.7	23.5
Kĩ năng thiết kế bài kiểm tra	14.5	31.0	37.8	14.4
Kĩ năng trao đổi/trò chuyện với học sinh	11.9	29.6	32.9	23.2
Kĩ năng trao đổi/làm việc với phụ huynh học sinh	23.2	38.1	25.3	11.0
Kĩ năng trao đổi/học hỏi giáo viên phổ thông	17.4	35.1	26.7	18.1
Kĩ năng tổ chức một buổi sinh hoạt lớp	10.7	26.9	34.3	25.4
Kĩ năng tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp	9.8	31.0	33.0	23.8

Bảng 5: Mức độ rèn luyện các kĩ năng nghề DH theo khóa học

Kĩ năng	Sinh viên	Mức			
		1	2	3	4
Tìm hiểu đối tượng DH	Năm thứ 3	11.0%	47.1%	30.6%	8.6%
	Năm thứ 4	11.1%	35.0%	39.7%	13.1%
Phân tích chương trình	Năm thứ 3	10.2%	41.9%	37.0%	8.4%
	Năm thứ 4	5.4%	31.8%	50.1%	11.3%
Xác định mục tiêu bài học	Năm thứ 3	5.1%	23.6%	43.1%	25.6%
	Năm thứ 4	2.0%	13.1%	39.7%	43.6%
Phân tích nội dung bài học	Năm thứ 3	6.3%	20.8%	43.8%	26.1%
	Năm thứ 4	2.7%	13.8%	41.5%	40.2%
Sử dụng phương tiện DH	Năm thứ 3	6.3%	21.5%	44.7%	24.9%
	Năm thứ 4	2.3%	16.5%	39.5%	40.2%
Thiết kế nhiệm vụ học tập	Năm thứ 3	9.3%	25.4%	43.8%	17.9%
	Năm thứ 4	6.5%	22.3%	43.3%	26.2%
Tổ chức hoạt động học tập	Năm thứ 3	5.8%	29.1%	44.0%	18.6%
	Năm thứ 4	3.6%	19.2%	45.6%	29.8%
Thiết kế bài kiểm tra	Năm thứ 3	19.1%	33.8%	32.9%	11.0%
	Năm thứ 4	8.6%	27.3%	44.0%	18.7%
Trao đổi/trò chuyện với học sinh	Năm thứ 3	14.0%	34.0%	31.7%	17.5%
	Năm thứ 4	9.3%	23.9%	34.5%	30.5%
Trao đổi/làm việc với phụ huynh học sinh	Năm thứ 3	27.8%	37.3%	23.3%	8.8%
	Năm thứ 4	17.2%	39.1%	28.0%	14.0%
Trao đổi/học hỏi giáo viên PT	Năm thứ 3	22.9%	38.5%	23.1%	12.3%
	Năm thứ 4	10.2%	30.7%	31.4%	25.7%
Tổ chức một buổi sinh hoạt lớp	Năm thứ 3	14.2%	30.5%	34.2%	18.0%
	Năm thứ 4	6.1%	22.3%	34.5%	35.0%
Tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp	Năm thứ 3	12.1%	33.8%	33.1%	18.0%
	Năm thứ 4	6.8%	27.3%	33.0%	31.2%

chỉ có thể đo lường cụ thể (48,9%).

3.3. Khảo sát sinh viên về công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm

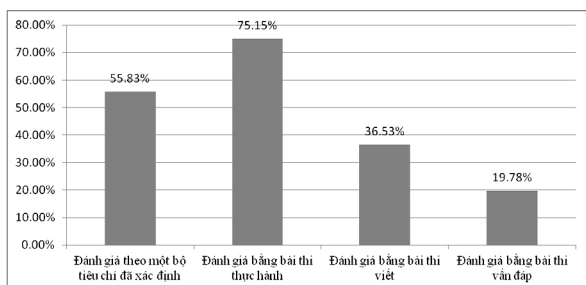
Kết quả trên đã phản ánh một phần thực trạng về công tác rèn luyện kĩ năng nghề DH ở các trường ĐHSP. Để làm rõ hơn thực trạng này, chúng tôi đã thực hiện việc khảo sát SV về hình thức, nội dung rèn luyện kĩ năng nghề và kết quả mà họ đã đạt được.

Để tìm hiểu về kết quả rèn luyện kĩ năng nghề, chúng tôi đề nghị SV tự đánh giá các kĩ năng nghề thường được rèn luyện ở 4 mức độ: (1) Chưa được giới thiệu; (2) Được giới thiệu lí thuyết nhưng chưa được thực hành; (3) Đã được thực hành nhưng chưa làm được chính xác; (4) Đã có thể tự làm được chính xác. Do các hoạt động rèn luyện kĩ năng nghề thường tập chung chủ yếu vào hai năm cuối, nên để đảm bảo tính sát thực và khách quan, chúng tôi chỉ phân tích trả lời của nhóm SV năm thứ 3 và 4. Kết quả này được trình bày trong các Bảng 4 và 5.

Bảng 4 cho thấy, giảng viên đã có quan tâm nhất định tới việc rèn luyện các kĩ năng nghề cho SV, tuy nhiên mức độ quan tâm là khác nhau đối với từng kĩ năng. Cụ thể, ở một số kĩ năng nghề DH, SV không chỉ được học lí thuyết mà còn được thực hành, thể hiện ở tỉ lệ SV tự đánh giá kĩ năng này ở mức 3 và 4, chẳng hạn *kĩ năng xác định mục tiêu bài học* (75%). Tỉ lệ cao tương tự cũng thấy ở một số kĩ năng khác như: *Phân tích nội dung bài học* (75%), *sử dụng phương tiện DH* (74%), *thiết kế nhiệm vụ học tập* (65,1%), *tổ chức hoạt động học tập* (68,2%). Bên cạnh đó, còn một số kĩ năng mới chỉ dừng lại ở việc học lí thuyết, chưa thực hành, rèn luyện nhiều. Chẳng hạn: *Kĩ năng trao đổi/làm việc với phụ huynh học sinh*, *kĩ năng phân tích chương trình*, *kĩ năng trao đổi/học hỏi giáo viên PT*.

Trong Bảng 5, kết quả phân tích theo khóa học đối với nhóm SV năm thứ 3 và 4 phản ánh một thực tế chung: So với SV năm thứ 3, SV năm thứ 4 có sự tiến bộ đáng kể về các kĩ năng nghề DH, thể hiện ở tỉ lệ SV năm thứ 4 tự đánh giá ở mức 4 cao hơn khá nhiều so với con số này ở nhóm SV năm thứ 3. Thực tế này có thể phản ánh hiệu quả của công tác thực hành và TTSP. Điều này có thể gợi ý một giải pháp về tăng cường các hoạt động rèn luyện NVSP cho SV và trải nghiệm thực tiễn nghề.

Hình 7 thể hiện kết quả khảo sát SV về các hình thức đánh giá kết quả rèn luyện kĩ năng nghề mà giảng viên sử dụng. Có thể



Hình 7: Các hình thức đánh giá kết quả rèn luyện kỹ năng nghề

thấy, *Đánh giá bằng bài thi thực hành* là hình thức được sử dụng phổ biến nhất (71,15%), theo sau là hình thức *Đánh giá theo một tiêu chí đã xác định* (55,83%). Ở nội dung này, kết quả khảo sát SV là khá tương đồng với kết quả khảo sát giảng viên (Hình 6). Cụ thể, *đánh giá bằng bài thi thực hành* vẫn là hình thức được sử dụng phổ biến nhất. Có sự khác biệt giữa mức độ sử dụng hình thức *đánh giá theo một tiêu chí đã xác định* ở giảng viên và SV, nguyên nhân của khác biệt này có thể là do hiểu biết, nhận thức về hình thức này giữa hai nhóm đối tượng là khác nhau.

4. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy, cách thức rèn luyện kỹ năng nghề (cụ thể là tổ chức thực hành nghề) cho SV còn khá đơn điệu. Phần lớn giảng viên và SV được khảo sát đều cho rằng, thực hành theo lý thuyết và rút kinh nghiệm là cách thức chủ đạo và phổ biến. Hình thức đánh giá kết quả rèn nghề qua các bài thi (viết hoặc vấn đáp), là hình thức ít có khả năng đánh giá trải nghiệm thực tiễn của SV, vẫn còn phổ biến. Mặt khác, một số hình thức rèn luyện NVSP có tính chất trực quan, sát với thực tiễn PT, thể hiện rõ nét mô hình hoạt động nghề nghiệp của người giáo viên trong tương lai ít được áp dụng.

Từ thực tế trên, những vấn đề sau cần được đặt ra và giải quyết: Cần xây dựng lại quy trình rèn luyện kỹ năng nghề cho SV một cách bài bản, khoa học, theo từng năm học, học kì và gắn với từng chuyên môn của người giảng viên; Cần tăng cường rèn luyện kỹ năng nghề qua các hoạt động thực tiễn nghề và trải nghiệm thực tiễn nghề

nh nghiệp của SV; Cần đa dạng hóa các hình thức, cách thức rèn kỹ năng nghề, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin để kết nối trực tuyến với nhà trường PT và tăng cường sử dụng bằng hình DH trong phân tích các kỹ năng nghề DH; Cần đầu tư cơ sở vật chất để công tác rèn kỹ năng nghề bằng thực tiễn nghề và trải nghiệm thực tiễn nghề nghiệp cho SV được thực hiện và thực hiện hiệu quả; Cần tăng cường sự gắn kết giữa trường sư phạm và trường phổ thông trong các hoạt động đào tạo nghề cho SV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trần Bá Hoàng, (2006), *Vấn đề giáo viên - những nghiên cứu lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Công Khanh - Đào Thị Oanh, (2015), *Giáo trình Kiểm tra, Đánh giá trong giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [3]. Đinh Quang Báo, (2016), *Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Thị Kim Dung, (2015), *Đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề cho sinh viên trong các trường đại học sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5]. Phạm Thị Hương, (2016), *Đánh giá kết quả đào tạo năng lực dạy học của sinh viên ngành Sư phạm Sinh học ở các trường đại học*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Thị Hồng Nam - Trương Thị Ngọc Diệp, *Đánh giá của sinh viên và cựu sinh viên về kết quả đào tạo giáo viên của khoa Sư phạm*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ, (13), năm 2010.
- [7]. Vũ Thị Sơn, (2015), *Mô hình đào tạo giáo viên theo định hướng phát triển năng lực nghề*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [8]. Dương Thiệu Tống, (2005), *Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục*, NXB Khoa học Xã hội.
- [9]. IEA., (2006), *Windows data entry manager software (WinDEM) [computer software and manual]*, Hamburg: IEA data Processing and Research center.

CURRENT STATE OF PROFESSIONAL SKILL TRAINING FOR STUDENTS OF PEDAGOGICAL UNIVERSITIES

Dao Thi Viet Anh - Email: vietanhsp2@gmail.com

Nguyen Ngoc Tu - Email: nnt.sp2@gmail.com

Hoang Thi Kim Huyen - Email: hoangthihuyen.sp2@moet.edu.vn

Hanoi Pedagogical University 2

Abstract: Standardized and socially responsive training has been the central task of pedagogical universities. On the one hand, pedagogical universities/colleges need to ensure that graduates meet the standards of knowledge and skills in their trained profession. On the other hand, graduates need to develop and improve their skills to meet the practical needs of the school. Hence, the training of teaching professional skills is an important part of teacher training in pedagogic universities/colleges. This article contributes a viewpoint on the above mentioned issue from a professional competence development perspective.

Keywords: Current state; training; teaching professional skills; student; pedagogical university.